

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ**

Số: 283 /BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Rạch Giá, ngày 03 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO
Về việc phân loại đánh giá, xác định cấp độ dịch
trên địa bàn thành phố Rạch Giá

Căn cứ Kế hoạch số 204/KH-UBND ngày 22/10/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và Công văn số 2027/UBND-KGVX ngày 28/10/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc đính chính Kế hoạch số 204/KH-UBND ngày 22/10/2021 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2627/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về công bố cấp độ dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, trong đó: Thành phố Rạch Giá áp dụng mức nguy cơ và cấp độ dịch là **Cấp 2: Nguy cơ trung bình (màu Vàng)**; 09/12 phường, xã áp dụng mức nguy cơ và cấp độ dịch là **Cấp 2: Nguy cơ trung bình (màu Vàng)** và 03/12 phường, xã áp dụng mức nguy cơ và cấp độ dịch là **Cấp 3: Nguy cơ cao (màu Cam)**.

Trên cơ sở diễn biến tình hình dịch bệnh trên địa bàn thành phố (từ ngày 20/10/2021 đến ngày 02/11/2021), UBND thành phố Rạch Giá phân loại đánh giá, xác định cấp độ dịch trên địa bàn thành phố như sau:

I. PHÂN LOẠI ĐÁNH GIÁ, XÁC ĐỊNH CẤP ĐỘ DỊCH

1. Cấp thành phố

- **Tiêu chí 1:** Số ca mắc mới tại cộng đồng/100.000 người/tuần¹
 - + Số ca mắc mới tại cộng đồng trong tuần (từ ngày 27/10/2021 đến ngày 02/11/2021): **167 ca**.
 - + Số ca mắc mới tại cộng đồng tuần trước (từ ngày 20/10/2021 đến ngày 26/10/2021): **42 ca**.
 - + Số ca mắc mới tại cộng đồng/100.000 người/tuần là **46,32 ca/100.000 người/tuần** (đạt mức 2: 20<-50).
- **Tiêu chí 2:** Tỷ lệ người từ 18 tuổi trở lên được tiêm ít nhất 01 liều vắc-xin

¹ Số ca mắc mới tại cộng đồng/100.000 người/tuần = [(Số ca mắc mới trong tuần + Số ca mắc mới của tuần trước)*100000]/(2 x Dân số trên địa bàn). Số ca mắc mới tại cộng đồng: là số ca mắc Covid-19 mới, không tính ca mắc trong khu phong tỏa, khu cách ly.

phòng Covid-19²

+ Tỷ lệ người từ 18 tuổi trở lên được tiêm ít nhất 1 liều vắc-xin phòng Covid-19 (*tính đến ngày 02/11/2021*) **trên 70%**.

+ Tỷ lệ người từ 50 tuổi trở lên được tiêm đủ vắc-xin (*tính đến ngày 02/11/2021*) **dưới 80%**.

- **Tiêu chí 3:** Đảm bảo khả năng thu dung, điều trị của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh các tuyến

+ Thành phố có kế hoạch thiết lập Trạm y tế lưu động và tổ chăm sóc người nhiễm Covid-19 tại cộng đồng. Hiện nay, thành phố đã thành lập 12 Trạm y tế lưu động (*100% phường, xã*).

+ 100% trạm y tế phường, xã có Oxy y tế.

Căn cứ hướng dẫn xác định cấp độ dịch, Thành phố thuộc **Cấp 1: Nguy cơ thấp – bình thường mới (màu Xanh)**; tuy nhiên, do Thành phố không đạt yêu cầu tại điểm b khoản 4.2 mục 4 phần I (*từ tháng 11/2021, yêu cầu tối thiểu 80% người từ 50 tuổi trở lên được tiêm đủ liều vắc-xin*), nên phải tăng lên 01 cấp độ dịch. Vì vậy, Thành phố áp dụng mức nguy cơ và cấp độ dịch trên địa bàn là **Cấp 2: Nguy cơ trung bình (màu Vàng)**.

2. Cấp phường, xã

Căn cứ hướng dẫn xác định cấp độ dịch, Thành phố phân loại đánh giá, xác định cấp độ dịch ở các phường, xã và khu phố, áp như sau (*các phường, xã và khu, phố áp đều tăng lên 01 cấp độ dịch vì không đạt yêu cầu tại điểm b khoản 4.2 mục 4 phần I*):

- Cấp phường, xã (*12 phường, xã*):

+ Có 06/12 phường, xã (*gồm: Rạch Sỏi, An Hòa, Vĩnh Lợi, Vĩnh Hiệp, Vĩnh Bảo, Phi Thông*) áp dụng mức nguy cơ và cấp độ dịch là **Cấp 3: Nguy cơ cao (màu Cam)**.

+ Có 06/12 phường, xã (*gồm: An Bình, Vĩnh Thông, Vĩnh Thanh Vân, Vĩnh Quang, Vĩnh Lạc, Vĩnh Thanh*) áp dụng mức nguy cơ và cấp độ dịch là **Cấp 2: Nguy cơ trung bình (màu Vàng)**.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI

² Được tính là số người được tiêm chủng trên tổng dân số cư trú trên địa bàn theo độ tuổi x 100 (%).

- Đẩy nhanh công tác tiêm vắc-xin phòng Covid-19 cho đối tượng nguy cơ mắc bệnh mãn tính và người trên 65 tuổi (*đảm bảo yêu cầu tối thiểu 80% người từ 50 tuổi trở lên được tiêm đủ liều vắc-xin theo điểm b khoản 4.2 mục 4 phần I của Kế hoạch số 204/KH-UBND ngày 22/10/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang*) và học sinh lớp 12 trên địa bàn thành phố.

- Thành phố tiếp tục tập trung chỉ đạo các phòng, ban, ngành thành phố và UBND các phường, xã tăng cường công tác tuyên truyền, kiểm tra, nhắc nhở về việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan theo Thông báo số 454/TB-UBND ngày 28/10/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc áp dụng các biện pháp hành chính thích ứng an toàn theo từng cấp độ dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Chỉ đạo UBND các phường, xã thường xuyên rà soát, củng cố, bố trí phương tiện, trang thiết bị y tế, oxy, nhân lực... tại Trạm y tế, Trạm y tế lưu động phường, xã để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu trong công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân cũng như công tác phòng, chống dịch trong mọi tình huống. Đồng thời, tăng cường quản lý, kiểm tra đối với các trường hợp cách ly tại nhà.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Căn cứ tình hình dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn thành phố, kiến nghị UBND tỉnh, Sở Y tế tỉnh Kiên Giang xem xét, chấp thuận cho Thành phố áp dụng mức nguy cơ và cấp độ dịch trên địa bàn như sau:

1. Đối với cấp thành phố: là **Cấp 2: Nguy cơ trung bình (màu Vàng)**.

2. Đối với cấp phường, xã (12 phường, xã):

- 06/12 phường, xã (gồm: *Rạch Sỏi, An Hòa, Vĩnh Lợi, Vĩnh Hiệp, Vĩnh Bảo, Phi Thông*) áp dụng mức nguy cơ và cấp độ dịch là **Cấp 3: Nguy cơ cao (màu Cam)**.

- 06/12 phường, xã (gồm: *An Bình, Vĩnh Thông, Vĩnh Thanh Vân, Vĩnh Quang, Vĩnh Lạc, Vĩnh Thanh*) áp dụng mức nguy cơ và cấp độ dịch là **Cấp 2: Nguy cơ trung bình (màu Vàng)**.

3. UBND thành phố Rạch Giá sẽ chỉ đạo UBND phường, xã rà soát, báo cáo phân loại đánh giá, xác định cấp độ dịch đến từng khu phố, ấp, Tổ nhân dân tự quản; từ đó sẽ chỉ đạo áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch bệnh cho phù hợp, đảm bảo hiệu quả.

Trên đây là Báo cáo về việc phân loại đánh giá, xác định cấp độ dịch trên địa bàn thành phố Rạch Giá, kính gửi UBND tỉnh, Sở Y tế tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- Lãnh đạo UBND tỉnh (b/c);
- TT. Thành ủy;
- TT. HĐND thành phố;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Ban Chỉ đạo PCD Covid-19 thành phố;
- Trung tâm Chỉ huy PCD Covid-19 thành phố;
- Đảng ủy các phường, xã;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- LĐVP; CVNC;
- Lưu: VT. 



Nguyễn Văn Hôn



PHỤ LỤC I
BẢNG DANH GIÁ CẤP ĐỘ DỊCH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ
(20/10/2021 - 02/11/2021)

STT	KHU PHỐ, ẤP	SỐ HỘ	SỐ KHẨU	NGƯỜI TỪ 18 TUỔI TRỞ LÊN	NGƯỜI TỪ 50 TUỔI TRỞ LÊN	NGƯỜI TỪ 65 TUỔI TRỞ LÊN	SỐ CA MẮC MỚI TẠI CỘNG ĐỒNG TRONG TUẦN (20-26/10)	SỐ CA MẮC MỚI TẠI CỘNG ĐỒNG TRONG TUẦN (27/10-02/11)	TIÊU CHÍ 1 (SỐ CA MẮC MỚI TẠI CỘNG ĐỒNG/100.000/ TUẦN)	SỐ NGƯỜI TỪ 18 TUỔI TRỞ LÊN ĐÃ ĐƯỢC TIÊM VẮC-XIN IT NHẤT 01 LIỀU	TIÊU CHÍ 2a (TỈ LỆ NGƯỜI TỪ 18 TUỔI TRỞ LÊN TIÊM VẮC-XIN)%	SỐ NGƯỜI TỪ 50 TUỔI TRỞ LÊN ĐÃ ĐƯỢC TIÊM ĐỦ LIỀU VẮC-XIN	TIÊU CHÍ 2b (TỈ LỆ NGƯỜI TỪ 50 TUỔI TRỞ LÊN TIÊM ĐỦ LIỀU VẮC-XIN)%	CẤP ĐỘ
I. PHƯỜNG RẠCH SỎI														
1	KHU PHỐ 1	472	1898	1.549		274		1	0	26,34				Cấp 2
2	KHU PHỐ 2	779	3736	3.005		354		1	2	40,15				Cấp 2
3	KHU PHỐ 3	769	2971	2.232		325		1	5	100,98				Cấp 3
4	KHU PHỐ 6	749	3189	2.891		241		1	8	141,11				Cấp 3
5	KHU PHỐ 7	605	2763	2.366		235		0	2	36,19				Cấp 2
	TỔNG CỘNG	3374	14557	12.043		1.429		4	17	72,13	9.343	TRÊN 70%		DƯỚI 80% Cấp 3
II. PHƯỜNG AN HÒA														
1	KHU PHỐ 1	1029	3599	2.653		247		2	2	55,57				Cấp 3
2	KHU PHỐ 2	1168	4038	3.080		227		0	3	37,15				Cấp 2
3	KHU PHỐ 3	959	3413	1.853		250		0	1	14,65				Cấp 2
4	KHU PHỐ 4	1027	3739	2.428		232		1	4	66,86				Cấp 3
5	KHU PHỐ 5	1408	4161	3.882		482		1	10	132,18				Cấp 3
6	KHU PHỐ 6	799	3111	2.897		310		0	4	64,29				Cấp 3
7	KHU PHỐ 7	962	4209	3.424		300		0	6	71,28				Cấp 3
8	KHU PHỐ 8	425	1261	2.064		268		0	1	39,65				Cấp 2
	TỔNG CỘNG	7777	27531	22.281		2.316		4	31	63,56	19.848	TRÊN 70%		DƯỚI 80% Cấp 3
III. PHƯỜNG VINH BẢO														
1	KHU PHỐ 1	751	2479					0	4	80,68				Cấp 3
2	KHU PHỐ 2	611	2297					1	3	87,07				Cấp 3
3	KHU PHỐ 3	918	3159					1	10	174,11				Cấp 4
4	KHU PHỐ 4	864	2964					1	4	84,35				Cấp 3
5	KHU PHỐ 5	1023	4852					0	1	10,31				Cấp 2
	TỔNG CỘNG	4167	15751	8.541		1.114		3	22	79,36	8.122	TRÊN 70%		DƯỚI 80% Cấp 3
IV. PHƯỜNG VINH LỢI														
1	KHU PHỐ 1	361	1822	1.151		188		2	5	192,10				Cấp 4
2	KHU PHỐ 2	760	2987	1.895		182		2	1	50,22				Cấp 3
3	KHU PHỐ 3	539	2163	1.400		98		1	2	69,35				Cấp 3
4	KHU PHỐ 4	628	2109	1.418		118		0	1	23,71				Cấp 2
	TỔNG CỘNG	2288	9081	5.864		586		5	9	77,08	6.109	TRÊN 70%		DƯỚI 80% Cấp 3
V. PHƯỜNG VINH QUANG														
1	QUANG TRUNG	1399	4598					0	6	65,25				Cấp 3
2	VÕ TRƯỜNG TOÀN	1049	3914					0	6	76,65				Cấp 3
3	LÊ ANH XUÂN	776	3073					0	3	48,81				Cấp 2
4	RẠCH GIÔNG	1025	3784					1	3	52,85				Cấp 3
5	NGUYỄN THAI BÌNH	1362	5692					0	1	8,78				Cấp 2
6	NGUYỄN BÌNH KHIÊM	1283	5101					1	1	19,60				Cấp 2
7	NAM CAO	1197	3970					0	2	25,19				Cấp 2
8	LÝ THẠI TỎ	695	2638					0	0	0,00				Cấp 2

STT	TÊN KHU PHỐ, ẤP	SỐ HỘ	SỐ KHÁU	NGƯỜI TỪ 18 TUỔI TRỞ LÊN	NGƯỜI TỪ 65 TUỔI TRỞ LÊN	NGƯỜI TỪ 18 TUỔI TRỞ LÊN	SỐ CA MẮC MỐI TẠI CỘNG ĐỒNG TRONG TUẦN TRƯỚC (20-26/10)	SỐ CA MẮC MỐI TẠI CỘNG ĐỒNG TRONG TUẦN (27/10-02/11)	TIÊU CHÍ 1 (SỐ CA MẮC MỐI TẠI CỘNG ĐỒNG/100.000/ TUẦN)	SỐ NGƯỜI TỪ 18 TUỔI TRỞ LÊN ĐÃ ĐƯỢC TIÊM VẮC-XIN ÍT NHẤT 01 LIỀU	TIÊU CHÍ 2a (TỈ LỆ NGƯỜI TỪ 18 TUỔI TRỞ LÊN TIÊM VẮC-XIN)%	SỐ NGƯỜI TỪ 50 TUỔI TRỞ LÊN ĐÃ ĐƯỢC TIÊM ĐỦ LIỀU VẮC-XIN	TIÊU CHÍ 2b (TỈ LỆ NGƯỜI TỪ 50 TUỔI TRỞ LÊN TIÊM ĐỦ LIỀU VẮC-XIN)%	CẤP ĐỘ
9	HUỶNH THỰC KHÁNG	865	2751				0	0	0,00					Cấp 2
10	ĐỒNG KHỐI	1039	4033				1	0	12,40					Cấp 2
TỔNG CỘNG		10690	39554	28.952	2.528		3	22	31,60	20.352	TRÊN 70%		DƯỚI 80%	Cấp 2
VI. PHƯỜNG AN BÌNH														
1	KHU PHỐ 1	548	2852	1.300		236	2	2	70,13					Cấp 3
2	KHU PHỐ 2	720	2210	1.900		230	2	1	67,87					Cấp 3
3	KHU PHỐ 3	1238	5225	3.791		360	0	2	19,14					Cấp 2
4	KHU PHỐ 4	772	2367	1.412		190	0	0	0,00					Cấp 2
5	KHU PHỐ 5	1700	5016	3.307		370	2	2	39,87					Cấp 2
6	KHU PHỐ 6	520	2454	2.055		250	0	3	61,12					Cấp 3
TỔNG CỘNG		5498	20124	13.765		1.636	6	10	39,75	6.410	TRÊN 70%		DƯỚI 80%	Cấp 2
VII. PHƯỜNG VINH THỐNG														
1	KHU PHỐ 1	431	2008	800		150	0	0	0,00					Cấp 2
2	KHU PHỐ 2	496	2147	851		124	0	0	69,86					Cấp 3
3	KHU PHỐ 3	524	2416	950		148	0	3	62,09					Cấp 3
4	KHU PHỐ 4	369	1683	752		141	0	0	29,71					Cấp 2
5	KHU PHỐ 6	448	2116	888		109	0	1	118,15					Cấp 3
TỔNG CỘNG		2268	10370	4.241		672	0	4	19,29	4.004	TRÊN 70%		DƯỚI 80%	Cấp 2
VIII. PHƯỜNG VINH HIỆP														
1	DÂY ỐC	851	3776	1.360		266	0	4	52,97					Cấp 3
2	THÔNG CHỮ	466	2125	1.100		128	0	0	0,00					Cấp 2
3	VINH PHÁT	839	3872	1.670		228	1	5	77,48					Cấp 3
4	PHI KINH	1153	5207	2.200		360	10	3	124,83					Cấp 3
5	VINH VIÊN	870	4284	1.700		277	0	7	81,70					Cấp 3
TỔNG CỘNG		4179	19264	8.030		1.259	11	19	77,87	10.905	TRÊN 70%		DƯỚI 80%	Cấp 3
IX. XÃ PHI THỐNG														
1	TÀ TÂY	1086	4430	3.803		333	0	9	101,58					Cấp 3
2	SÓC CUNG	694	3234	1.940		340	0	1	15,46					Cấp 2
3	PHÚ HÒA	368	1623	1.126		108	0	2	61,61					Cấp 3
4	TÀ KEO NGON	497	2316	1.471		114	0	2	43,18					Cấp 2
5	TÀ KEO VÀM	440	2036	1.444		167	0	1	24,56					Cấp 2
6	TRUNG THÀNH	425	1945	1.005		60	3	0	77,12					Cấp 3
TỔNG CỘNG		3510	15584	10.789		1.122	3	15	57,75	8.961	TRÊN 70%		DƯỚI 80%	Cấp 3
X. VINH THANH VÂN														
1	KHU PHỐ 1	406	1565	1.453		152	0	0	0,00					Cấp 2
2	KHU PHỐ 2	485	1687	1.469		159	0	0	0,00					Cấp 2
3	KHU PHỐ 3	764	3541	3.095		198	1	0	14,12					Cấp 2
4	KHU PHỐ 4	519	2333	2.103		195	0	0	0,00					Cấp 2
5	KHU PHỐ 5	452	2142	1.546		175	0	0	0,00					Cấp 2
TỔNG CỘNG		2626	11268	9.666		879	1	0	4,44	8.462	TRÊN 70%		DƯỚI 80%	Cấp 2
XI. VINH LẠC														
1	KHU PHỐ 1	677	2133				0	0	0,00					Cấp 2
2	KHU PHỐ 2	564	1984				0	1	25,20					Cấp 2



